



Điện Biên, ngày 20 tháng 02 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù, miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/08/2021 của Chính phủ từ tháng 01/2025 đến tháng 05/2025**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên tại Tờ trình số 177/TTr-PGD&ĐT, ngày 14 tháng 02 năm 2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù, miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ từ tháng 01/2025 đến tháng 05/2025 trên địa bàn huyện Điện Biên, cụ thể như sau:

#### **1. Hỗ trợ chi phí học tập**

Tổng số học sinh: 9.302 Học sinh.

Tổng kinh phí: 6.975.600.000 đồng.

#### **2. Cấp bù, miễn giảm học phí**

##### **a) Cấp mầm non**

- Miễn 100%: 2.045 Học sinh (Trong đó học sinh 5 tuổi theo Khoản 6 Điều 15 Nghị định 81/2021 là: 1.754 học sinh, Đối tượng miễn 100% khác: 291 học sinh).

- Miễn 70%: 1.041 Học sinh.

- Miễn 50%: 66 Học sinh.

Tổng kinh phí: 457.369.500 đồng.

##### **b) Cấp Trung học cơ sở**

- Miễn 100%: 3.263 Học sinh (Trong đó Học sinh THCS theo khoản 8 Điều 15 Nghị định 81/2021 là: 3.105 học sinh, Đối tượng miễn 100% khác: 158 học sinh).

- Miễn 50%: 214 Học sinh.

Tổng kinh phí: 238.000.000 đồng.

3. Tổng kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù học phí (mục 1+2): 7.670.969.500 đồng (Bảy tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng chẵn).

(Có biểu tổng hợp và danh sách chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao Trường phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phối hợp với UBND các xã chỉ đạo các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ cho học sinh và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo qui định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND các xã; Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện (B/c);
- Lưu: VT, GDĐT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nông Quang Thắng**

**PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 22... /QĐ - UBND, ngày 22... tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

| STT | Họ và tên học sinh              | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Hộ khẩu thường trú                     | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ    |
|-----|---------------------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|-----------------|----------|--------------------|
|     |                                 | Nam      | Nữ   |     |         |                                                                                  |                                        |                      |                 |          |                    |
|     | <b>Trường THCS xã Noong Hẹt</b> |          |      |     |         |                                                                                  |                                        |                      |                 |          | <b>105.000.000</b> |
| 1   | Lò Bảo An                       | 2013     |      | 6A1 | Thái    | Lò Thị Vân                                                                       | Bản Bông, Noong Hẹt, ĐB                | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 2   | Lò Mai Linh                     |          | 2013 | 6A1 | Thái    | Cà Thị Yên                                                                       | Bản Bông, Noong Hẹt, ĐB                | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 3   | Lò Thị Quỳnh                    |          | 2013 | 6A1 | Thái    | Lò Thị Xôm                                                                       | Bản Noong Bua, Noong Hẹt, ĐB           | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 4   | Lò Thị Yến Nhi                  |          | 2013 | 6A1 | Thái    | Lường Thị In                                                                     | Bản Bông, Noong Hẹt, ĐB                | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 5   | Lò Văn Hương                    | 2013     |      | 6A1 | Thái    | Lò Văn Hoa                                                                       | Bản Bông, Noong Hẹt, ĐB                | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 6   | Lường Duy Bảo                   | 2013     |      | 6A1 | Thái    | Lường Văn Chung                                                                  | Bản Noong Bua, Noong Hẹt, ĐB           | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 7   | Tòng Thị Nhã Uyên               |          | 2013 | 6A1 | Thái    | Lò Thị Ơi                                                                        | Bản Noong Bua, Noong Hẹt, ĐB           | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 8   | Giàng A Phứ                     | 2013     |      | 6A1 | Mông    | Giàng A Thénh                                                                    | Bản Trung Súa, Keo Lôm, Điện Biên Đông | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 9   | Lò Thị Tường Vi                 |          | 2013 | 6A1 | Thái    | Tòng Thị Bích                                                                    | Bản Huổi Sáy, Mường Tùng, Mường Chà    | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 10  | Cà Hải Đăng                     | 2013     |      | 6A2 | Thái    | Cà Văn Tuyến                                                                     | Bản Noong Bua, Noong Hẹt               | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 11  | Cà Khánh Ngọc                   |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Cà Văn Thương                                                                    | Bản Bông, Noong Hẹt                    | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 12  | Cà Thị Minh Hào                 |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Lường Thị Toan                                                                   | Bản Bông, Noong Hẹt                    | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |
| 13  | Lò Thị Chúc                     |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Lò Thị Kiều                                                                      | Bản Bông, Noong Hẹt                    | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000            |

| STT | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Hộ khẩu thường trú                       | Đối Tượng được hưởng    | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|--------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                                                                                  |                                          |                         |                 |          |                 |
| 14  | Quảng Thị Hà My    |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Lò Thị Hà                                                                        | Bản Bông, Noong Hẹt                      | Bản ĐBKK                | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 15  | Vương Quốc Anh     | 2013     |      | 6A2 | Nùng    | Vương Văn Thanh                                                                  | Bản Noong Bua, Noong Hẹt                 | Bản ĐBKK                | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 16  | Lò Thị Diệu Linh   |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Lò Thị Thương                                                                    | Tổ 1, tt Mường Chà, Mường Chà            | Xã KV III               | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 17  | Lò Thị Nhã Uyên    |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Lò Văn Thín                                                                      | Bản Phong Châu, Pa Ham, Mường Chà        | Xã KV III               | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 18  | Lèng Đức Mạnh      | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Quảng Thị Doan                                                                   | Bản Bông, Noong Hẹt                      | Bản ĐBKK                | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 19  | Lò Thị Như Quỳnh   |          | 2013 | 6A3 | Thái    | Cà Thị Phượng                                                                    | Bản Noong Bua, Noong Hẹt                 | Bản ĐBKK                | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 20  | Lường Xuân Nghĩa   | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Lường Thị Phượng                                                                 | Bản Noong Bua, Noong Hẹt                 | Bản ĐBKK                | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 21  | Quảng Duy Long     | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Quảng Văn Thanh                                                                  | Bản Noong Bua, Noong Hẹt                 | Bản ĐBKK                | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 22  | Quảng Thị Thu Hà   |          | 2013 | 6A3 | Thái    | Quảng Văn Ngọc                                                                   | Bản Cha, Thanh An, ĐB                    | Bản ĐBKK                | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 23  | Cà Văn Mạnh        | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Cà Thị Duyên                                                                     | Bản Bông, Noong Hẹt                      | Con hộ nghèo-Khuyết tật | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 24  | Lò Văn Bảo         | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Lò Văn Thân                                                                      | Bản Bông, Noong Hẹt                      | Con hộ nghèo-Khuyết tật | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 25  | Tòng Khánh Huy     | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Tòng Văn Tinh                                                                    | Bản Mớ, Noong Hẹt, ĐB                    | Con hộ nghèo-Khuyết tật | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 26  | Cà Thị Anh Thư     |          | 2013 | 6A3 | Thái    | Cà Thanh Phương                                                                  | Bản Nà Hỳ 3, Nà Hỳ, Nậm Pồ               | Xã KV III               | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 27  | Lê Bảo Ngọc        |          | 2013 | 6A3 | Kinh    | Đỗ Thị Thắm                                                                      | Bản Tia Dình 1, Tia Dình, Điện Biên Đông | Xã KV III               | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 28  | Cà Đức Duy         | 2013     |      | 6A4 | Thái    | Cà Văn Tươi                                                                      | Bản Bông, Noong Hẹt                      | Bản ĐBKK                | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 29  | Lò Nhất Nghĩa      | 2013     |      | 6A4 | Thái    | Lò Văn Chính                                                                     | Bản Noong Bua, Noong Hẹt                 | Bản ĐBKK                | 150.000         | 5        | 750.000         |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Hộ khẩu thường trú          | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                                                                                  |                             |                      |                 |          |                 |
| 30  | Lò Thị Ngọc Anh      |          | 2013 | 6A4 | Thái    | Lò Thị Luyến                                                                     | Bản Noong Bua, Noong Hết    | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 31  | Lò Việt Dũng         | 2013     |      | 6A4 | Thái    | Lò Văn Hương                                                                     | Bản Bông, Noong Hết         | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 32  | Quảng Thị Gia Hân    |          | 2013 | 6A4 | Thái    | Lò Thị Tuyết                                                                     | Bản Bông, Noong Hết         | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 33  | Quảng Thị Yến Nhi    |          | 2013 | 6A4 | Thái    | Quảng Văn Chính                                                                  | Bản Bông, Noong Hết         | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 34  | Tòng Gia Bảo         | 2013     |      | 6A4 | Thái    | Tòng Thị Thương                                                                  | Bản Noong Bua, Noong Hết    | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 35  | Tòng Thế Vũ          | 2013     |      | 6A4 | Thái    | Tòng Văn Buồn                                                                    | Bản Bông, Noong Hết         | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 36  | Nguyễn Nhật Linh Nhi |          | 2013 | 6A4 | Kinh    | Trần Thị Xuân                                                                    | Bản Xê, Phu Luông, ĐB       | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 37  | Quảng Thị Hồng Yến   |          | 2013 | 6A4 | Thái    | Quảng Văn Cường                                                                  | Bản Nậm Hẹ 2, Hẹ Muông, ĐB  | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 38  | Trần Thị Thanh Hiền  |          | 2013 | 6A4 | Kinh    | Nguyễn Thị Thúy                                                                  | Bản Phi Nhữ B, Phi Nhữ, ĐBĐ | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 39  | Cà Văn Bắc           | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Quảng Thị Dương                                                                  | Bản Bông, Noong Hết         | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 40  | Lò Bảo An            | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Hoa                                                                       | Bản Noong Bua, Noong Hết    | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 41  | Lò Bảo Việt          | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Văn Kiên                                                                      | Bản Bông, Noong Hết         | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 42  | Lò Đức Hùng          | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Biêng                                                                     | Bản Bông, Noong Hết         | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 43  | Lò Mạnh Quỳnh        | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Tươi                                                                      | Bản Bông, Noong Hết         | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 44  | Lò Nhật Minh         | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Toan                                                                      | Bản Bông, Noong Hết         | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 45  | Lò Thị Ngọc Anh      |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Cà Thị Phượng                                                                    | Bản Noong Bua, Noong Hết    | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Hộ khẩu thường trú             | Đối Tượng được hưởng                | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                                                                                  |                                |                                     |                 |          |                 |
| 46  | Lò Thị Thanh Nhân    |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Quảng Thị Thinh                                                                  | Bản Noong Bua, Noong Hết       | Bản ĐBKK                            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 47  | Lò Văn Tú            | 2011     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Phóng                                                                     | Bản Noong Bua, Noong Hết       | Bản ĐBKK                            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 48  | Lò Việt Cường        | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Tươi                                                                      | Bản Noong Bua, Noong Hết       | Bản ĐBKK                            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 49  | Quảng Thị Ánh Tuyết  |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Lường Thúy Mai                                                                   | Bản Noong Bua, Noong Hết       | Bản ĐBKK                            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 50  | Tòng Hải Yến         |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Lường Thị Vân                                                                    | Bản Noong Bua, Noong Hết       | Bản ĐBKK                            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 51  | Tòng Thị Phương Hạnh |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Tòng Văn Vinh                                                                    | Bản Noong Bua, Noong Hết       | Bản ĐBKK                            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 52  | Lò Hải Đạt           | 2011     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Suôi                                                                      | Bản mới - Noong Hết            | Cận nghèo ở với ông bà - khuyết tật | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 53  | Quảng Tiến Đạt       | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Quảng Văn Hạnh                                                                   | Bản Noong Hết, Noong Hết       | Con hộ nghèo                        | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 54  | Đỗ Thành Đạt         | 2011     |      | 7B1 | Kinh    | Nguyễn Thị Tâm                                                                   | Thôn Hoàng Công Chất, Thanh An | Khuyết tật                          | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 55  | Cà Đức Trọng         | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Cà Văn Long                                                                      | Na Cô Sa, Nậm Pồ               | Xã KV III                           | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 56  | Lê Hà Văn Nhi        |          | 2012 | 7B1 | Kinh    | Hà Thị Thu Thủy                                                                  | Bản Háng Lía- xã Háng Lía- ĐBĐ | Xã KV III                           | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 57  | Lò Hải Đăng          | 2012     |      | 7B1 | Lào     | Lò Văn Thắm                                                                      | Bản Xé, Phu Luông              | Xã KV III                           | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 58  | Cà Tiến Đạt          | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Cà Thị Xoan                                                                      | Noong Bua - Noong Hết          | Bản ĐBKK                            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 59  | Lò Minh Hằng         |          | 2012 | 7B2 | Thái    | Lò Văn Tiến                                                                      | Bản Bông- Noong Hết            | Bản ĐBKK                            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 60  | Lò Thị Bình An       |          | 2012 | 7B2 | Thái    | Lò Thị Tún                                                                       | Bản Bông- Noong Hết            | Bản ĐBKK                            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 61  | Lò Thị Ngọc Lan      |          | 2012 | 7B2 | Thái    | Lò Văn Cương                                                                     | Noong Bua - Noong Hết          | Bản ĐBKK                            | 150.000         | 5        | 750.000         |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Hộ khẩu thường trú    | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                                                                                  |                       |                      |                 |          |                 |
| 62  | Lò Thị Thùy Linh     |          | 2012 | 7B2 | Thái    | Lò Văn Tuấn                                                                      | Bản Bông- Noong Hẹt   | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 63  | Lò Việt Hoàng        | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Lò Thị Duyên                                                                     | Noong Bua - Noong Hẹt | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 64  | Lường Minh Huy       | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Lường Văn Dương                                                                  | Noong Bua - Noong Hẹt | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 65  | Nguyễn Ngọc Hữu      | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Tòng Thị Chính                                                                   | Noong Bua - Noong Hẹt | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 66  | Quảng Mạnh Kiên      | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Lò Thị Hiệp                                                                      | Bản Bông- Noong Hẹt   | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 67  | Đỗ Đức Phong         |          |      | 7B2 | Kinh    | Trần Thị Hoa                                                                     | Tân Biên - Noong Hẹt  | Con hộ nghèo         | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 68  | Vì Thị Bảo Trâm      |          | 2012 | 7B2 | Thái    | Quảng Thị Lả                                                                     | Noong Hẹt - Noong Hẹt | Con hộ nghèo         | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 69  | Cà Thị Uyên Nhi      |          | 2012 | 7B3 | Thái    | Cà Văn Tiến                                                                      | Bản Bông - Noong Hẹt  | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 70  | Lò Minh Nhật         | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Lò Văn Lâm                                                                       | Bản Bông - Noong Hẹt  | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 71  | Lò Thăng Long        | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Lò Thị Thi                                                                       | Noong Bua - Noong Hẹt | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 72  | Lường Đức Mạnh       | 2011     |      | 7B3 | Thái    | Lò Thị Diên                                                                      | Noong Bua - Noong Hẹt | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 73  | Lường Phương Nhi     |          | 2012 | 7B3 | Thái    | Quảng Thị Thoa                                                                   | Noong Bua - Noong Hẹt | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 74  | Nguyễn Thị Bảo Ngọc  |          | 2012 | 7B3 | Kinh    | Lò Thị Hồng Phượng                                                               | Bản Bông - Noong Hẹt  | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 75  | Tòng Thị Thanh Quỳnh |          | 2012 | 7B3 | Thái    | Lò Thị Quý                                                                       | Bản Bông - Noong Hẹt  | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 76  | Tòng Tiến Phương     | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Nguyễn Thị Liễu                                                                  | Bản Bông - Noong Hẹt  | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 77  | Trần Hải Long        | 2012     |      | 7B3 | Kinh    | Hứa Thị Phương                                                                   | Bản On -Noong Luổng   | Bản ĐBKK             | 150.000         | 5        | 750.000         |

| STT | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Hộ khẩu thường trú                                       | Đối Tượng được hưởng   | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|--------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                                                                                  |                                                          |                        |                 |          |                 |
| 78  | Lường Văn Đạt      | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Lò Thị Hóa                                                                       | Noong Bua - Noong Hết                                    | Con hộ nghèo           | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 79  | Lò Thị Trà My      |          | 2012 | 7B3 | Thái    | Lò Thị Ngân                                                                      | Bản Phiêng Muồng A, xã Pú Hồng, Điện Biên Đông Điện Biên | Xã KV III              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 80  | Cà Thị Bảo An      |          | 2012 | 7B4 | Thái    | Quảng Thị Yên                                                                    | Bản Bông - Noong Hết                                     | Bản ĐBKK               | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 81  | Đào Hải Lâm        | 2012     |      | 7B4 | Kinh    | Lò Thị Chiến                                                                     | Bản Bông - Noong Hết                                     | Bản ĐBKK               | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 82  | Vừ Duy Long        | 2012     |      | 7B4 | H'Mông  | Quảng Thúy Thanh                                                                 | Bản Bông - Noong Hết                                     | Bản ĐBKK               | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 83  | Đàm Minh Quân      | 2013     |      | 7B4 | Kinh    | Nguyễn Thị Hiền                                                                  | Bản Đoàn Kết, Chung Chải, Mường Nhé                      | Xã KV III              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 84  | Lò Nhật Huy        | 2012     |      | 7B4 | Thái    | Lò Thị Bình                                                                      | Bản Tia Ghềnh - Keo Lôm - ĐBĐ                            | Xã KV III              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 85  | Nguyễn Hoàng Long  | 2012     |      | 7B4 | Kinh    | Trần Thị Mỹ                                                                      | Nà Hỷ 3 - xã Nà Hỷ - H.Nậm Pồ                            | Xã KV III              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 86  | Cà Thị Thúy Nga    |          | 2011 | 8C1 | Thái    | Lò Thị Quyên                                                                     | Noong Bua - Noong Hết                                    | Bản ĐBKK               | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 87  | Lò Văn Phúc        | 2011     |      | 8C1 | Thái    | Lò Văn Hiến                                                                      | Noong Bua - Noong Hết                                    | Bản ĐBKK               | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 88  | Quảng Thị Hải Yến  |          | 2011 | 8C1 | Thái    | Lò Thị Quy                                                                       | Noong Bua - Noong Hết                                    | Bản ĐBKK               | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 89  | Lò Chấn An         | 2009     |      | 8C1 | Thái    | Lường Thị In                                                                     | Bản Bông - Noong Hết                                     | Cận nghèo - khuyết tật | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 90  | Hồ Phương Thảo     |          | 2011 | 8C1 | Kinh    | Trần Thị Len                                                                     | Mường Anh 1-Pa Ham-Mường Chà                             | Xã KV III              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 91  | Quảng Khánh Duy    | 2011     |      | 8C1 | Thái    | Quảng Văn Khánh                                                                  | Nậm Vù, Xã Nậm Vù - Mường Nhé                            | Xã KV III              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 92  | Quảng Trần Tuệ Nhi |          | 2011 | 8C1 | Thái    | Trần Thị Nết                                                                     | Mường Anh 1-Pa Ham-Mường Chà                             | Xã KV III              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 93  | Cà Hoàng Bách      | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Cà Văn Quyết                                                                     | Bản Bông- Noong Hết                                      | Bản ĐBKK               | 150.000         | 5        | 750.000         |

| STT | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Hộ khẩu thường trú                     | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|--------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                                                                                  |                                        |                      |                 |          |                 |
| 94  | Cà Thị Phương Thảo |          | 2011 | 8C2 | Thái    | Lò Thị Yến                                                                       | Bản Bông- Noong Hẹt                    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 95  | Lò Anh Tuấn        | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Lò Thị Diên                                                                      | Bản Bông- Noong Hẹt                    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 96  | Lò Thị Hà Anh      |          | 2011 | 8C2 | Thái    | Quảng Thị Tươi                                                                   | Bản Bông- Noong Hẹt                    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 97  | Lò Thị Trà My      |          | 2011 | 8C2 | Thái    | Lò Văn Hùng                                                                      | Noong Bua- Noong Hẹt                   | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 98  | Lò Văn Hải         | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Lò Văn Lang                                                                      | Bản Bông- Noong Hẹt                    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 99  | Lường Quyết Đạt    | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Lường Thị Dương                                                                  | Noong Bua- Noong Hẹt                   | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 100 | Quảng Duy Khoa     | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Quảng Thị Hương                                                                  | Bản Bông- Noong Hẹt                    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 101 | Tòng Đức Trọng     | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Lò Thị Nương                                                                     | Bản Bông- Noong Hẹt                    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 102 | Trương Đức Ninh    | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Trương Văn Biền                                                                  | Noong Bua- Noong Hẹt                   | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 103 | Cà Thị Kim Huệ     |          | 2011 | 8C3 | Thái    | Lò Thị Chiến                                                                     | Bản Bông, Noong Hẹt                    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 104 | Lò Thị Khánh Ly    |          | 2011 | 8C3 | Thái    | Lò Thị Suyền                                                                     | Bản Bông, Noong Hẹt                    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 105 | Lò Tiến Dũng       | 2011     |      | 8C3 | Thái    | Cà Thị Thiên                                                                     | Bản Bông, Noong Hẹt                    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 106 | Đỗ Quý Duy         | 2011     |      | 8C3 | Kinh    | Đỗ Ngọc Thuận                                                                    | Bản Nậm Chim 1, Si Pa Phìn, Nậm Pồ, ĐB | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 107 | Nguyễn Huy Tài     | 2011     |      | 8C3 | Kinh    | Dương Thị Thanh Thùy                                                             | Bản Nà Hỳ 2, Nà Hỳ, Nậm Pồ             | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 108 | Lò Hoàng Đại       | 2010     |      | 9D1 | Lào     | Vì Thị Tươi                                                                      | Bản Bông - Noong Hẹt                   | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 109 | Đinh Thị Trang     |          | 2010 | 9D1 | Kinh    | Quảng Thị Hưng                                                                   | Bản Noong Hẹt- Noong Hẹt               | Con hộ nghèo         | 150.000         | 5        | 750.000         |

| STT | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Hộ khẩu thường trú           | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|--------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                                                                                  |                              |                      |                 |          |                 |
| 110 | Trần Khánh Dư      | 2009     |      | 9D1 | Kinh    | Trần Văn Nguyễn                                                                  | Bản Lọng Quân, Sam Múm, ĐB   | Khuyết tật           | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 111 | Hà Trần Hoài An    | 2010     |      | 9D1 | Tày     | Trần Thị Thuý                                                                    | Xã Tia Đình - Điện Biên Đông | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 112 | Lò Thị Kim Oanh    |          | 2010 | 9D1 | Thái    | Cà Thị Hiền                                                                      | Pá Mỹ- Mường Nhé             | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 113 | Lò Duy Nam         | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Thị Phương                                                                    | Bản Bông - Noong Hẹt         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 114 | Lò Minh Đạt        | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Văn Thi                                                                       | Bản Noong Bua - Noong Hẹt    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 115 | Lò Minh Đức VI     | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Văn Thuận                                                                     | Bản Bông - Noong Hẹt         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 116 | Lò Minh Vũ         | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lường Thị Khính                                                                  | Bản Bông - Noong Hẹt         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 117 | Lò Thanh Hải       | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Thị Vinh                                                                      | Bản Noong Bua - Noong Hẹt    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 118 | Lò Thị Anh Thư     |          | 2010 | 9D2 | Thái    | Lò Văn Luân                                                                      | Bản Noong Bua - Noong Hẹt    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 119 | Lò Thị Tâm Như     |          | 2010 | 9D2 | Thái    | Lò Thị Tươi                                                                      | Bản Bông - Noong Hẹt         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 120 | Lò Thị Thùy Trâm   |          | 2010 | 9D2 | Thái    | Quảng Thị Thinh                                                                  | Bản Noong Bua - Noong Hẹt    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 121 | Lò Văn Đạt         | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Tòng Thị Biên                                                                    | Bản Noong Bua - Noong Hẹt    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 122 | Lò Văn Huân        | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Văn Hoa                                                                       | Bản Bông - Noong Hẹt         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 123 | Tòng Kiều Vy       |          | 2010 | 9D2 | Thái    | Lò Thị Tâm                                                                       | Bản Noong Bua - Noong Hẹt    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 124 | Tòng Mạnh Cường    | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Tòng Văn Buôn                                                                    | Bản Bông - Noong Hẹt         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 125 | Vì Thị Nga         |          | 2010 | 9D2 | Thái    | Quảng Thị Thinh                                                                  | Bản Noong Bua - Noong Hẹt    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |

| STT | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Hộ khẩu thường trú          | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|--------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                                                                                  |                             |                      |                 |          |                 |
| 126 | Lò Mạnh Cường      | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Thị Xôm                                                                       | Bản Noong Bua - Noong Hết   | Con hộ nghèo         | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 127 | Vì Văn Trường      | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Thị Thính                                                                     | Bản Phù, Noong Hết,ĐB       | Con hộ nghèo         | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 128 | Cà Anh Vũ          | 2010     |      | 9D3 | Thái    | Quảng Thị Dương                                                                  | Bản Bông- Noong Hết         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 129 | Cà Thị Tân Nhân    |          | 2010 | 9D3 | Thái    | Cà Văn Biên                                                                      | Bản Bông- Noong Hết         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 130 | Đào Thành Long     | 2010     |      | 9D3 | Thái    | Lò Thị Chiến                                                                     | Bản Bông- Noong Hết         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 131 | Lò Thị Nguyệt Quế  |          | 2010 | 9D3 | Thái    | Cà Văn Quyết                                                                     | Bản Bông- Noong Hết         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 132 | Lò Thị Tâm         |          | 2010 | 9D3 | Thái    | Lường Thị Duyên                                                                  | Bản Bông- Noong Hết         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 133 | Lò Thị Thanh Thảo  |          | 2010 | 9D3 | Thái    | Lường Thị Thân                                                                   | Bản Bông- Noong Hết         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 134 | Lò Thị Yến Nhi     |          | 2010 | 9D3 | Thái    | Trần Thị Hồng Thắm                                                               | Bản Bông- Noong Hết         | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 135 | Trần Ngọc Quyền    | 2010     |      | 9D3 | Kinh    | Lò Thị Uôn                                                                       | Bản Noong Bua- Noong Hết    | Bản ĐBK              | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 136 | Đỗ Phương Nhi      |          | 2010 | 9D3 | Kinh    | Trần Thị Đan                                                                     | Phì Nhừ - Điện Biên Đông    | xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 137 | Đỗ Thảo Nguyên     |          | 2010 | 9D3 | Kinh    | Đỗ Thị Quyền                                                                     | Bản Mới 1, Chà Cang, Nậm Pồ | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 138 | Nguyễn Thanh Thúy  |          | 2010 | 9D3 | Kinh    | Dương Thị Thanh Thúy                                                             | Bản Nà Hỳ 2, Nà Hỳ, Nậm Pồ  | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 139 | Quảng Đức Khải     | 2010     |      | 9D3 | Thái    | Quảng Thị Dung                                                                   | Nậm Kê- Mường Nhé           | xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |
| 140 | Vương Bảo Trang    |          | 2010 | 9D3 | Kinh    | Nguyễn Văn Huy                                                                   | Phìn Hồ - Nậm Pồ            | Xã KV III            | 150.000         | 5        | 750.000         |

**PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN GIẢM, CẤP BÙ HỌC PHÍ THEO NĐ 81/2021NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 22... /QĐ - UBND, ngày 22... tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Điện Biên)

| STT                      | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ    | Hộ khẩu thường trú                    | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|--------------------------|--------------------|----------|------|-----|---------|-------------------|---------------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|                          |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                   |                                       |                      |                 |          |                 |
| Trường THCS xã Noong Hẹt |                    |          |      |     |         |                   |                                       |                      |                 |          | 17.150.000      |
| 1                        | Lò Bảo An          | 2013     |      | 6A1 | Thái    | Lò Thị Vân        | Bản Bông, Noong Hẹt,ĐB                | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 2                        | Lò Mai Linh        |          | 2013 | 6A1 | Thái    | Cà Thị Yên        | Bản Bông, Noong Hẹt,ĐB                | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 3                        | Lò Thị Quỳnh       |          | 2013 | 6A1 | Thái    | Lò Thị Xôm        | Bản Noong Bua, Noong Hẹt, ĐB          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 4                        | Lò Thị Yến Nhi     |          | 2013 | 6A1 | Thái    | Lường Thị In      | Bản Bông, Noong Hẹt,ĐB                | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 5                        | Lò Văn Hương       | 2013     |      | 6A1 | Thái    | Lò Văn Hoa        | Bản Bông, Noong Hẹt,ĐB                | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 6                        | Lường Duy Bảo      | 2013     |      | 6A1 | Thái    | Lường Văn Chung   | Bản Noong Bua, Noong Hẹt, ĐB          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 7                        | Tòng Thị Nhã Uyên  |          | 2013 | 6A1 | Thái    | Lò Thị Qì         | Bản Noong Bua, Noong Hẹt, ĐB          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 8                        | Đinh Ngọc Cường    | 2013     |      | 6A1 | Kinh    | Nguyễn Thị Thương | Thôn Trần Phú, Noong Hẹt, ĐB          | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 9                        | Giàng A Phứ        | 2013     |      | 6A1 | Mông    | Giàng A Thỉnh     | Bản Trung Súa, Keo Lô, Điện Biên Đông | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 10                       | Lò Thị Tường Vi    |          | 2013 | 6A1 | Thái    | Tòng Thị Bích     | Bản Huổi Sáy, Mường Tùng, Mường Chà   | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 11                       | Cà Hải Đăng        | 2013     |      | 6A2 | Thái    | Cà Văn Tuyển      | Bản Noong Bua, Noong Hẹt              | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 12                       | Cà Khánh Ngọc      |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Cà Văn Thương     | Bản Bông, Noong Hẹt                   | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |

| STT | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ  | Hộ khẩu thường trú                | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|--------------------|----------|------|-----|---------|-----------------|-----------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                 |                                   |                      |                 |          |                 |
| 13  | Cà Thị Minh Hào    |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Lường Thị Toan  | Bản Bông, Noong Hết               | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 14  | Lò Thị Chúc        |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Lò Thị Kiều     | Bản Bông, Noong Hết               | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 15  | Quảng Thị Hà My    |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Lò Thị Hà       | Bản Bông, Noong Hết               | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 16  | Vương Quốc Anh     | 2013     |      | 6A2 | Nùng    | Vương Văn Thanh | Bản Noong Bua, Noong Hết          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 17  | Vũ Ánh Nguyệt      |          | 2013 | 6A2 | Kinh    | Vũ Văn Lực      | Thôn Văn Biên, Noong Hết, ĐB      | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 18  | Lò Thị Diệu Linh   |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Lò Thị Thương   | Tổ 1, tt Mường Chà, Mường Chà     | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 19  | Lò Thị Nhã Uyên    |          | 2013 | 6A2 | Thái    | Lò Văn Thín     | Bản Phong Châu, Pa Ham, Mường Chà | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 20  | Lèng Đức Mạnh      | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Quảng Thị Doan  | Bản Bông, Noong Hết               | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 21  | Lò Thị Như Quỳnh   |          | 2013 | 6A3 | Thái    | Cà Thị Phụng    | Bản Noong Bua, Noong Hết          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 22  | Lường Xuân Nghĩa   | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Lường Thị Phụng | Bản Noong Bua, Noong Hết          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 23  | Quảng Duy Long     | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Quảng Văn Thanh | Bản Noong Bua, Noong Hết          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 24  | Quảng Thị Thu Hà   |          | 2013 | 6A3 | Thái    | Quảng Văn Ngọc  | Bản Cha, Thanh An, ĐB             | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 25  | Lò Minh Ngọc       | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Lò Văn Huyền    | Thôn Văn Tân, Noong Hết, ĐB       | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 26  | Quảng Kiểm Luân    | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Quảng Văn Khánh | Bản Mớ, Noong Hết, ĐB             | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 27  | Cà Văn Mạnh        | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Cà Thị Duyên    | Bản Bông, Noong Hết               | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 28  | Lò Văn Bảo         | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Lò Văn Thân     | Bản Bông, Noong Hết               | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ    | Hộ khẩu thường trú                       | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|-------------------|------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                   |                                          |                      |                 |          |                 |
| 29  | Tòng Khánh Huy       | 2013     |      | 6A3 | Thái    | Tòng Văn Tinh     | Bản Mớ, Noong Hẹt, ĐB                    | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 30  | Cà Thị Anh Thư       |          | 2013 | 6A3 | Thái    | Cà Thanh Phương   | Bản Nà Hỳ 3, Nà Hỳ, Nậm Pồ               | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 31  | Lê Bảo Ngọc          |          | 2013 | 6A3 | Kinh    | Đỗ Thị Thắm       | Bản Tia Dinh 1, Tia Dinh, Điện Biên Đông | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 32  | Cà Đức Duy           | 2013     |      | 6A4 | Thái    | Cà Văn Tươi       | Bản Bông, Noong Hẹt                      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 33  | Lò Nhất Nghĩa        | 2013     |      | 6A4 | Thái    | Lò Văn Chính      | Bản Noong Bua, Noong Hẹt                 | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 34  | Lò Thị Ngọc Anh      |          | 2013 | 6A4 | Thái    | Lò Thị Luyến      | Bản Noong Bua, Noong Hẹt                 | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 35  | Lò Việt Dũng         | 2013     |      | 6A4 | Thái    | Lò Văn Hường      | Bản Bông, Noong Hẹt                      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 36  | Quảng Thị Gia Hân    |          | 2013 | 6A4 | Thái    | Lò Thị Tuyết      | Bản Bông, Noong Hẹt                      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 37  | Quảng Thị Yến Nhi    |          | 2013 | 6A4 | Thái    | Quảng Văn Chính   | Bản Bông, Noong Hẹt                      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 38  | Tòng Gia Bảo         | 2013     |      | 6A4 | Thái    | Tòng Thị Thương   | Bản Noong Bua, Noong Hẹt                 | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 39  | Tòng Thế Vũ          | 2013     |      | 6A4 | Thái    | Tòng Văn Buồn     | Bản Bông, Noong Hẹt                      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 40  | Quảng Thị Kiều Thanh |          | 2013 | 6A4 | Thái    | Nguyễn Thành Long | Bản Mớ, Noong Hẹt, ĐB                    | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 41  | Nguyễn Nhật Linh Nhi |          | 2013 | 6A4 | Kinh    | Trần Thị Xuân     | Bản Xè, Phu Luông, ĐB                    | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 42  | Quảng Thị Hồng Yến   |          | 2013 | 6A4 | Thái    | Quảng Văn Cường   | Bản Nậm Hẹ 2, Hẹ Muông, ĐB               | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 43  | Trần Thị Thanh Hiền  |          | 2013 | 6A4 | Kinh    | Nguyễn Thị Thúy   | Bản Phi Nhừ B, Phi Nhừ, ĐBD              | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ  | Hộ khẩu thường trú        | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|-----------------|---------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                 |                           |                      |                 |          |                 |
| 44  | Cà Văn Bắc           | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Quảng Thị Dương | Bản Bông, Noong Hết       | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 45  | Lò Bảo An            | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Hoa      | Bản Noong Bua, Noong Hết  | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 46  | Lò Bảo Việt          | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Văn Kiên     | Bản Bông, Noong Hết       | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 47  | Lò Đức Hùng          | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Biêng    | Bản Bông, Noong Hết       | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 48  | Lò Mạnh Quỳnh        | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Tươi     | Bản Bông, Noong Hết       | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 49  | Lò Nhật Minh         | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Toan     | Bản Bông, Noong Hết       | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 50  | Lò Thị Ngọc Anh      |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Cà Thị Phương   | Bản Noong Bua, Noong Hết  | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 51  | Lò Thị Thanh Nhân    |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Quảng Thị Thịnh | Bản Noong Bua, Noong Hết  | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 52  | Lò Văn Tú            | 2011     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Phóng    | Bản Noong Bua, Noong Hết  | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 53  | Lò Việt Cường        | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Tươi     | Bản Noong Bua, Noong Hết  | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 54  | Quảng Thị Ánh Tuyết  |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Lường Thúy Mai  | Bản Noong Bua, Noong Hết  | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 55  | Tòng Hải Yến         |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Lường Thị Vân   | Bản Noong Bua, Noong Hết  | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 56  | Tòng Thị Phương Hạnh |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Tòng Văn Vinh   | Bản Noong Bua, Noong Hết  | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 57  | Lò Hải Đạt           | 2011     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Suôi     | Bản mới - Noong Hết       | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 58  | Lò Đức Duy           | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Lò Thị Thoa     | Bản Noong Hết, Noong Hết  | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 59  | Nguyễn Minh Quân     | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Trần Thị Thắm   | Thôn Hợp Thành, Noong Hết | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |

| STT | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ  | Hộ khẩu thường trú             | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|--------------------|----------|------|-----|---------|-----------------|--------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                 |                                |                      |                 |          |                 |
| 60  | Tòng Thị Trà My    |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Tòng Văn Bắc    | Bản Mớ, Noong Hết, ĐB          | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 61  | Vi Thị Phương Anh  |          | 2012 | 7B1 | Thái    | Quảng Thị Hoài  | Bản Phủ, Noong Hết             | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 62  | Quảng Tiến Đạt     | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Quảng Văn Hạnh  | Bản Noong Hết, Noong Hết       | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 63  | Đỗ Thành Đạt       | 2011     |      | 7B1 | Kinh    | Nguyễn Thị Tâm  | Thôn Hoàng Công Chắt, Thanh An | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 64  | Cà Đức Trọng       | 2012     |      | 7B1 | Thái    | Cà Văn Long     | Na Cô Sa, Nậm Pồ               | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 65  | Lê Hà Vân Nhi      |          | 2012 | 7B1 | Kinh    | Hà Thị Thu Thủy | Bản Háng Lia- xã Háng Lia- ĐBD | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 66  | Lò Hải Đăng        | 2012     |      | 7B1 | Lào     | Lò Văn Thẩm     | Bản Xê, Phu Luông              | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 67  | Cà Tiến Đạt        | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Cà Thị Xoan     | Noong Bua - Noong Hết          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 68  | Lò Minh Hằng       |          | 2012 | 7B2 | Thái    | Lò Văn Tiến     | Bản Bông- Noong Hết            | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 69  | Lò Thị Bình An     |          | 2012 | 7B2 | Thái    | Lò Thị Tún      | Bản Bông- Noong Hết            | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 70  | Lò Thị Ngọc Lan    |          | 2012 | 7B2 | Thái    | Lò Văn Cương    | Noong Bua - Noong Hết          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 71  | Lò Thị Thủy Linh   |          | 2012 | 7B2 | Thái    | Lò Văn Tuấn     | Bản Bông- Noong Hết            | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 72  | Lò Việt Hoàng      | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Lò Thị Duyên    | Noong Bua - Noong Hết          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 73  | Lường Minh Huy     | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Lường Văn Dương | Noong Bua - Noong Hết          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 74  | Nguyễn Ngọc Hữu    | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Tòng Thị Chính  | Noong Bua - Noong Hết          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 75  | Quảng Mạnh Kiên    | 2012     |      | 7B2 | Thái    | Lò Thị Hiệp     | Bản Bông- Noong Hết            | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |

| STT | Họ và tên học sinh     | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ     | Hộ khẩu thường trú              | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|------------------------|----------|------|-----|---------|--------------------|---------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                        | Nam      | Nữ   |     |         |                    |                                 |                      |                 |          |                 |
| 76  | Nguyễn Hoàng Ninh      | 2012     |      | 7B2 | Kinh    | Nguyễn Văn Thuận   | Thông Duyên Long, Noong Hẹt, ĐB | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 77  | Nguyễn Thị Phương Thảo |          | 2012 | 7B2 | Kinh    | Nguyễn Văn Sự      | Bản Noong Hẹt, Noong Hẹt, ĐB    | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 78  | Trần Tuấn Tú           | 2012     |      | 7B2 | Kinh    | Nguyễn Thị Nga     | Thôn Tân Biên, Noong Hẹt        | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 79  | Đỗ Đức Phong           |          |      | 7B2 | Kinh    | Trần Thị Hoa       | Tân Biên - Noong Hẹt            | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 80  | Vì Thị Bảo Trâm        |          | 2012 | 7B2 | Thái    | Quảng Thị Lả       | Noong Hẹt - Noong Hẹt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 81  | Nguyễn Thu Uyên        |          | 2012 | 7B2 | Kinh    | Nguyễn Chí Ninh    | Thôn 10 - Sam Múm               | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 82  | Cà Thị Uyên Nhi        |          | 2012 | 7B3 | Thái    | Cà Văn Tiến        | Bản Bông - Noong Hẹt            | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 83  | Lò Minh Nhật           | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Lò Văn Lâm         | Bản Bông - Noong Hẹt            | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 84  | Lò Thăng Long          | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Lò Thị Thi         | Noong Bua - Noong Hẹt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 85  | Lường Đức Mạnh         | 2011     |      | 7B3 | Thái    | Lò Thị Diên        | Noong Bua - Noong Hẹt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 86  | Lường Phương Nhi       |          | 2012 | 7B3 | Thái    | Quảng Thị Thoa     | Noong Bua - Noong Hẹt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 87  | Nguyễn Thị Bảo Ngọc    |          | 2012 | 7B3 | Kinh    | Lò Thị Hồng Phượng | Bản Bông - Noong Hẹt            | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 88  | Tòng Thị Thanh Quỳnh   |          | 2012 | 7B3 | Thái    | Lò Thị Quý         | Bản Bông - Noong Hẹt            | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 89  | Tòng Tiến Phương       | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Nguyễn Thị Liễu    | Bản Bông - Noong Hẹt            | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 90  | Trần Hải Long          | 2012     |      | 7B3 | Kinh    | Hứa Thị Phương     | Bản On -Noong Luổng             | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 91  | Quảng Văn Nghiệp       | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Lường Văn Dũng     | Bản Phủ - Noong Hẹt             | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |

| STT | Họ và tên học sinh  | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ   | Hộ khẩu thường trú                             | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|---------------------|----------|------|-----|---------|------------------|------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                     | Nam      | Nữ   |     |         |                  |                                                |                      |                 |          |                 |
| 92  | Cả Đức Khánh        | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Lò Thị Dân       | Bản Mớ- Noong Hẹt                              | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 93  | Lò Văn Anh Tú       | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Lò Văn Tươi      | Noong Hẹt - Noong Hẹt                          | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 94  | Lường Thị Diệu Châu |          | 2012 | 7B3 | Thái    | Lường Văn Hiến   | Noong Hẹt - Noong Hẹt                          | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 95  | Lường Thị Tâm Như   |          | 2012 | 7B3 | Thái    | Lò Thị Thu       | Bản Mớ - Noong Hẹt                             | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 96  | Lường Văn Đạt       | 2012     |      | 7B3 | Thái    | Lò Thị Hóa       | Noong Bua - Noong Hẹt                          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 97  | Lò Thị Trà My       |          | 2012 | 7B3 | Thái    | Lò Thị Ngân      | Bản Phiêng Muông A, xã Pú Hồng, ĐBĐ, Điện Biên | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 98  | Cả Thị Bảo An       |          | 2012 | 7B4 | Thái    | Quảng Thị Yên    | Bản Bông - Noong Hẹt                           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 99  | Đào Hải Lâm         | 2012     |      | 7B4 | Kinh    | Lò Thị Chiến     | Bản Bông - Noong Hẹt                           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 100 | Vừ Duy Long         | 2012     |      | 7B4 | H'Mông  | Quảng Thúy Thanh | Bản Bông - Noong Hẹt                           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 101 | Đàm Minh Quân       | 2013     |      | 7B4 | Kinh    | Nguyễn Thị Hiền  | Bản Đoàn Kết, Chung Chải, Mường Nhé            | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 102 | Lò Nhật Huy         | 2012     |      | 7B4 | Thái    | Lò Thị Bình      | Bản Tà Ghènh - Keo Lôm - ĐBĐ                   | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 103 | Nguyễn Hoàng Long   | 2012     |      | 7B4 | Kinh    | Trần Thị Mỹ      | Nà Hỳ 3 - xã Nà Hỳ - H.Nậm Pồ                  | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 104 | Cả Thị Thúy Nga     |          | 2011 | 8C1 | Thái    | Lò Thị Quyên     | Noong Bua - Noong Hẹt                          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 105 | Lò Văn Phúc         | 2011     |      | 8C1 | Thái    | Lò Văn Hiến      | Noong Bua - Noong Hẹt                          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |

| STT | Họ và tên học sinh   | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ   | Hộ khẩu thường trú            | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|----------------------|----------|------|-----|---------|------------------|-------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                      | Nam      | Nữ   |     |         |                  |                               |                      |                 |          |                 |
| 106 | Quảng Thị Hải Yến    |          | 2011 | 8C1 | Thái    | Lò Thị Quy       | Noong Bua - Noong Hệt         | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 107 | Lò Chấn An           | 2009     |      | 8C1 | Thái    | Lường Thị In     | Bản Bông - Noong Hệt          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 108 | Lường Thị Thanh Thảo |          | 2011 | 8C1 | Thái    | Lường Văn Phương | Bản Phú- Nong Hệt             | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 109 | Quảng Thị Thùy Lâm   |          | 2011 | 8C1 | Thái    | Tòng Thị Vóng    | Noong Hệt - Noong Hệt         | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 110 | Hồ Phương Thảo       |          | 2011 | 8C1 | Kinh    | Trần Thị Len     | Mường Anh 1-Pa Ham-Mường Chà  | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 111 | Quảng Khánh Duy      | 2011     |      | 8C1 | Thái    | Quảng Văn Khánh  | Nậm Vĩ, Xã Nậm Vĩ - Mường Nhé | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 112 | Quảng Trần Tuệ Nhi   |          | 2011 | 8C1 | Thái    | Trần Thị Nết     | Mường Anh 1-Pa Ham-Mường Chà  | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 113 | Cà Hoàng Bách        | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Cà Văn Quyết     | Bản Bông- Noong Hệt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 114 | Cà Thị Phương Thảo   |          | 2011 | 8C2 | Thái    | Lò Thị Yến       | Bản Bông- Noong Hệt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 115 | Lò Anh Tuấn          | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Lò Thị Diên      | Bản Bông- Noong Hệt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 116 | Lò Thị Hà Anh        |          | 2011 | 8C2 | Thái    | Quảng Thị Tươi   | Bản Bông- Noong Hệt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 117 | Lò Thị Trà My        |          | 2011 | 8C2 | Thái    | Lò Văn Hùng      | Noong Bua- Noong Hệt          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 118 | Lò Văn Hải           | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Lò Văn Lang      | Bản Bông- Noong Hệt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 119 | Lường Quyết Đạt      | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Lường Thị Dương  | Noong Bua- Noong Hệt          | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 120 | Quảng Duy Khoa       | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Quảng Thị Hương  | Bản Bông- Noong Hệt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 121 | Tòng Đức Trọng       | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Lò Thị Nương     | Bản Bông- Noong Hệt           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |

| STT | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ       | Hộ khẩu thường trú                     | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|--------------------|----------|------|-----|---------|----------------------|----------------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                      |                                        |                      |                 |          |                 |
| 122 | Trương Đức Ninh    | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Trương Văn Biền      | Noong Bua- Noong Hết                   | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 123 | Đào Duy Đạt        | 2011     |      | 8C2 | Kinh    | Trần Thị Hiền        | Trần Phú - Noong Hết                   | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 124 | Cà Tùng Dương      | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Cà Văn Ánh           | Bản Noong Hết, Noong Hết, ĐB           | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 125 | Nguyễn Duy Mạnh    | 2011     |      | 8C2 | Kinh    | Nguyễn Văn Bình      | Thôn Tân Lập, Noong Hết, ĐB            | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 126 | Quảng Văn Tùng     | 2011     |      | 8C2 | Thái    | Lò Thị Sinh          | Bản Mớ- Noong Hết                      | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 127 | Cà Thị Kim Huệ     |          | 2011 | 8C3 | Thái    | Lò Thị Chiến         | Bản Bông, Noong Hết                    | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 128 | Lò Thị Khánh Ly    |          | 2011 | 8C3 | Thái    | Lò Thị Suyền         | Bản Bông, Noong Hết                    | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 129 | Lò Tiến Dũng       | 2011     |      | 8C3 | Thái    | Cà Thị Thiên         | Bản Bông, Noong Hết                    | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 130 | Đỗ Quý Duy         | 2011     |      | 8C3 | Kinh    | Đỗ Ngọc Thuận        | Bản Nậm Chim 1, Sĩ Pa Phìn, Nậm Pồ, ĐB | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 131 | Nguyễn Huy Tài     | 2011     |      | 8C3 | Kinh    | Dương Thị Thanh Thủy | Bản Nà Hỳ 2, Nà Hỳ, Nậm Pồ             | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 132 | Lò Hoàng Đại       | 2010     |      | 9D1 | Lào     | Vi Thị Tươi          | Bản Bông - Noong Hết                   | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 133 | Đinh Thị Trang     |          | 2010 | 9D1 | Kinh    | Quảng Thị Hưng       | Bản Noong Hết- Noong Hết               | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 134 | Trần Khánh Linh    |          | 2010 | 9D1 | Kinh    |                      | Thôn Tân Biên, Noong Hết               | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 135 | Trần Khánh Dư      | 2009     |      | 9D1 | Kinh    | Trần Văn Nguyễn      | Bản Lọng Quân, Sam Mứn, ĐB             | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 136 | Hà Trần Hoài An    | 2010     |      | 9D1 | Tày     | Trần Thị Thủy        | Xã Tia Đình - Điện Biên Đông           | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |

| STT | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ   | Hộ khẩu thường trú             | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|--------------------|----------|------|-----|---------|------------------|--------------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                  |                                |                      |                 |          |                 |
| 137 | Lò Thị Kim Oanh    |          | 2010 | 9D1 | Thái    | Cà Thị Hiền      | Pá Mỹ- Mường Nhé               | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 138 | Lò Duy Nam         | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Thị Phương    | Bản Bông - Noong Hết           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 139 | Lò Minh Đạt        | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Văn Thi       | Bản Noong Bua - Noong Hết      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 140 | Lò Minh Đức VT     | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Văn Thuận     | Bản Bông - Noong Hết           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 141 | Lò Minh Vũ         | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lường Thị Khính  | Bản Bông - Noong Hết           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 142 | Lò Thanh Hải       | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Thị Vinh      | Bản Noong Bua - Noong Hết      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 143 | Lò Thị Anh Thư     |          | 2010 | 9D2 | Thái    | Lò Văn Luân      | Bản Noong Bua - Noong Hết      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 144 | Lò Thị Tâm Như     |          | 2010 | 9D2 | Thái    | Lò Thị Tươi      | Bản Bông - Noong Hết           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 145 | Lò Thị Thủy Trâm   |          | 2010 | 9D2 | Thái    | Quảng Thị Thinh  | Bản Noong Bua - Noong Hết      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 146 | Lò Văn Đạt         | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Tòng Thị Biên    | Bản Noong Bua - Noong Hết      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 147 | Lò Văn Huân        | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Văn Hoa       | Bản Bông - Noong Hết           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 148 | Tòng Kiều Vy       |          | 2010 | 9D2 | Thái    | Lò Thị Tâm       | Bản Noong Bua - Noong Hết      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 149 | Tòng Mạnh Cường    | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Tòng Văn Buôn    | Bản Bông - Noong Hết           | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 150 | Vì Thị Nga         |          | 2010 | 9D2 | Thái    | Quảng Thị Thính  | Bản Noong Bua - Noong Hết      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 151 | Đoàn Trọng Phú     | 2010     |      | 9D2 | Kinh    | Đoàn Trọng Phóng | Thôn Duyên Long, Noong Hết, ĐB | 50%                  | 25.000          | 5        | 62.500          |
| 152 | Lò Mạnh Cường      | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Thị Xôm       | Bản Noong Bua - Noong Hết      | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |

| STT | Họ và tên học sinh | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha, Mẹ       | Hộ khẩu thường trú          | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ |
|-----|--------------------|----------|------|-----|---------|----------------------|-----------------------------|----------------------|-----------------|----------|-----------------|
|     |                    | Nam      | Nữ   |     |         |                      |                             |                      |                 |          |                 |
| 153 | Vũ Văn Trường      | 2010     |      | 9D2 | Thái    | Lò Thị Thính         | Bản Phú, Noong Hẹt,ĐB       | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 154 | Cà Anh Vũ          | 2010     |      | 9D3 | Thái    | Quảng Thị Dương      | Bản Bông- Noong Hẹt         | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 155 | Cà Thị Tân Nhân    |          | 2010 | 9D3 | Thái    | Cà Văn Biên          | Bản Bông- Noong Hẹt         | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 156 | Đào Thành Long     | 2010     |      | 9D3 | Thái    | Lò Thị Chiến         | Bản Bông- Noong Hẹt         | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 157 | Lò Thị Nguyệt Quế  |          | 2010 | 9D3 | Thái    | Cà Văn Quyết         | Bản Bông- Noong Hẹt         | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 158 | Lò Thị Tâm         |          | 2010 | 9D3 | Thái    | Lường Thị Duyên      | Bản Bông- Noong Hẹt         | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 159 | Lò Thị Thanh Thảo  |          | 2010 | 9D3 | Thái    | Lường Thị Thân       | Bản Bông- Noong Hẹt         | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 160 | Lò Thị Yến Nhi     |          | 2010 | 9D3 | Thái    | Trần Thị Hồng Thắm   | Bản Bông- Noong Hẹt         | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 161 | Trần Ngọc Quyền    | 2010     |      | 9D3 | Kinh    | Lò Thị Uôn           | Bản Noong Bua- Noong Hẹt    | 100%                 | 25.000          | 5        | 125.000         |
| 162 | Đỗ Phương Nhi      |          | 2010 | 9D3 | Kinh    | Trần Thị Đan         | Phì Nhừ - Điện Biên Đông    | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 163 | Đỗ Thảo Nguyên     |          | 2010 | 9D3 | Kinh    | Đỗ Thị Quyên         | Bản Mới 1, Chà Cang, Nậm Pồ | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 164 | Nguyễn Thanh Thúy  |          | 2010 | 9D3 | Kinh    | Dương Thị Thanh Thúy | Bản Nà Hỳ 2, Nà Hỳ, Nậm Pồ  | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 165 | Quảng Đức Khải     | 2010     |      | 9D3 | Thái    | Quảng Thị Dung       | Nậm Kè- Mường Nhé           | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |
| 166 | Vương Bảo Trang    |          | 2010 | 9D3 | Kinh    | Nguyễn Văn Huy       | Phìn Hồ - Nậm Pồ            | 100%                 | 10.000          | 5        | 50.000          |